

T, ngày 07 tháng 11 năm 2022

Số: 1158/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 934/2022/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Số 49/13B đường T, phường H, quận T, Thành phố H.
- *Người yêu cầu*: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số 49/13B đường T, phường H, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện sống chung từ năm 2005, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2005 ngày 20/12/2005 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Q cấp.

Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng từ cuối năm 2007 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống không phù hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra tranh cãi về cách chăm sóc con cái, về chi tiêu trong gia đình. Hai bên đã cố gắng hòa giải vì con còn quá nhỏ nhưng mâu thuẫn theo thời gian ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn

[2] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Minh H2, sinh ngày 26/01/2006. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H1 không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông H1 xác nhận không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H1 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà H và ông H1 chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2005 ngày 20/12/2005 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Q cấp cho bà H và ông H1 không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung:* Hai bên xác nhận có 01 con chung Nguyễn Minh H2, sinh ngày 26/01/2006. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông H1 không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung:* Bà H và ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà H và ông H1 xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn H1 chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà H và ông H1 đã nộp theo Biên lai thu số 0036174 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Q;
- Lưu: VP, HS (Đào).

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang